

Bản án số: **68/2026/HS-ST**

Ngày 17/6/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lê Thị Thuý Hằng**

Bà **Nguyễn Hải Anh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Huyền Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - An Giang tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Thị Thuý Diễm** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2026, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - An Giang, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 48/2026/TLST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2026, về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2026/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2026 đối với bị cáo:

Lê Thị T, sinh ngày 10/10/1995; Giới tính: Nữ.

Nơi cư trú: P310 T, Phường P, TP. H; Nơi tạm trú và chỗ ở hiện nay: Số 75 Cư xá Tr, phường N, TP. H.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Lê N, sinh năm 1955 và bà Dương Thị H, sinh năm 1956; Chồng là Nguyễn Tất V, sinh năm 1982 (chết) và có 01 người con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/02/2026 cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu năm 2019, Lê Thị T muốn xuất khẩu lao động sang nước ngoài nên đã thông qua mạng xã hội Facebook để tìm kiếm các dịch vụ có thể giúp T đi nước ngoài. Thời điểm này, T sử dụng tài khoản facebook có tên “Tôi là tôi” để liên hệ với tài khoản Facebook có tên “Dịch vụ Trung Việt”. Qua trao đổi giữa T và một người phụ nữ không rõ nhân thân, lai lịch tự xưng là đại diện cho dịch vụ Trung Việt thì biết được dịch vụ này có khả năng đưa người sang Trung Quốc.

Khoảng tháng 10/2019, do sợ bị lừa đảo nên T yêu cầu dịch vụ Trung Việt đưa T sang Trung Quốc tham quan khoảng 01 tuần với tên thật là Lê Thị T rồi quay trở lại Việt Nam. Khi về Việt Nam, T trao đổi với người phụ nữ đại diện dịch vụ Trung Việt về ý muốn xuất khẩu lao động dài hạn ở Trung Quốc, thì người này báo chi phí khoảng hơn 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Do không có tiền chi trả nên T đã nhờ người này tư vấn cách khác thì được giới thiệu hình thức kết hôn với người Trung Quốc. Do Lê Thị T đang có chồng tại Việt Nam nên người phụ nữ này tư vấn cho T lấy tên giả, nếu đồng ý thì mọi thủ tục giấy tờ tùy thân mang tên giả sẽ do dịch vụ Trung Việt lo toàn bộ, Lê Thị T đồng ý và chọn tên giả cho mình là “Lê Thiên Kim”, còn ngày tháng năm sinh thì lấy trùng với ngày tháng năm sinh của T, địa chỉ là do dịch vụ tự chọn.

Sau đó một thời gian, đại diện dịch vụ Trung Việt liên hệ với Lê Thị T qua ứng dụng messenger để thông tin về việc toàn bộ giấy tờ liên quan đến tên giả Lê Thiên Kim đã được dịch vụ làm xong và hướng dẫn T đến địa bàn huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang (nay là xã Tân Hiệp, tỉnh An Giang) để gặp một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) đến đón T đi làm các thủ tục tiếp theo. Sau đó, T đi xe khách đến huyện Tân Hiệp thì gặp một người đàn ông khoảng trên 40 tuổi chạy đến đón và chở T đến Công an để làm giấy chứng minh nhân dân mang tên giả là Lê Thiên Kim, sinh ngày 10/10/1995, địa chỉ ấp Đông Thạnh, xã Thạnh Đông B, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi làm xong và nhận được chứng minh nhân dân số 372109327 mang tên Lê Thiên Kim, người đàn ông này tiếp tục chở T đến Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Kiên Giang để làm hộ chiếu. Tại đây, Lê Thị T nhận giấy hẹn rồi đưa lại cho người đàn ông trên và đón xe trở về Bình Dương. Khoảng 01 tuần sau, T nhận được hộ chiếu số C8505103 mang tên Lê Thiên Kim tại bưu điện. Sau đó, T liên lạc với người phụ nữ đại diện cho dịch vụ Trung Việt thì người này hướng dẫn T đưa hộ chiếu trên cho một người đàn ông lạ mặt.

Sau đó một tuần, người phụ nữ trên yêu cầu T đến Lãnh sự quán Trung Quốc tại Thành phố Hồ Chí Minh để nhận toàn bộ hồ sơ từ một người đàn ông lạ mặt, T nộp vào Lãnh sự quán để xin cấp thị thực (visa) sau đó 10 ngày thì T nhận được

visa. Khoảng tháng 11/2019, T được dịch vụ Trung Việt đưa đến Triết Giang, Trung Quốc để kết hôn với một người đàn ông và sinh được một người con gái. Đến ngày 01/01/2023, T nhập cảnh về Việt Nam tại cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất thì bị phát hiện về hành vi sử dụng tài liệu giả.

Quá trình điều tra xác định: Hồ sơ giả tên Lê Thiên Kim bắt nguồn từ ấp 4, xã Vĩnh Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang thông qua hình thức làm thủ tục chuyển khẩu hộ ông Lê Văn Tùng gồm 04 thành viên Lê Văn Tùng, Nguyễn Thị Hạnh, Lê Hồng Thu và Lê Thiên Kim (hộ này không có trên thực tế) từ ấp 4, xã Vĩnh Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang đến ấp Đông Thạnh, xã Thạnh Đông B, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Giấy chuyển hộ khẩu số: 87/GCHK giả chữ ký của ông Võ Trường Hậu (Phó Trưởng Công an xã Vĩnh Trung) và đóng con dấu thật của Công an xã Vĩnh Trung.

Sau khi nhận được đầy đủ thủ tục xin chuyển khẩu của hộ ông Lê Văn Tùng về ấp Đông Thạnh, xã Thạnh Đông B, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, Công an xã Thạnh Đông B đã thực hiện đúng quy trình, thủ tục. Tuy nhiên, việc ông Nguyễn Văn Tuấn - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Thạnh Đông B ký xác nhận nhà ở hợp pháp cho hộ ông Lê Văn Tùng (không có trên thực tế) là không phù hợp.

Tại Kết luận giám định số: 437/KL-KTHS ngày 13/05/2024 của Phòng Kỹ Tật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang (nay là Công an tỉnh An Giang) kết luận:

- Chữ ký mang tên Võ Trường Hậu trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký mang tên Võ Trường Hậu trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M6 không phải do cùng một người ký ra.

- Hình dấu tròn màu đỏ có nội dung: “CÔNG AN XÃ VĨNH TRUNG – CÔNG AN HUYỆN VỊ THỦY – TỈNH HẬU GIANG” trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với hình dấu tròn màu đỏ có cùng nội dung trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 do cùng một con dấu đóng ra.

Tại Kết luận giám định số 803/KL-KTHS ngày 08/08/2024 của Phòng Kỹ Tật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang (nay là Công an tỉnh An Giang) kết luận: chữ viết trên Giấy chuyển hộ khẩu, ghi họ và tên Lê Văn Tùng, đề ngày 21/11/2019 mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết của Võ Văn Nhân trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M24 không phải do cùng một người viết ra.

Tại Kết luận giám định số 1000/KL-KTHS ngày 24/09/2024 của Phòng Kỹ Tật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang (nay là Công an tỉnh An Giang) kết luận:

- Chữ ký mang tên Nguyễn Văn Tuấn trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký mang tên Nguyễn Văn Tuấn trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 do cùng một người ký ra.

- Hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “U.B.N.D XÃ THANH ĐÔNG B – H.TÂN HIỆP – T.KIÊN GIANG” trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với hình dấu tròn màu đỏ có cùng nội dung trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 do cùng một con dấu đóng ra.

Tại bản cáo trạng số: 19/CT-VKSKV3 ngày 04/5/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - An Giang đã truy tố bị cáo Lê Thị T về tội: “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - An Giang vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lê Thị T. Sau khi phân tích và đánh giá mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Thị T phạm tội: “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, n, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Lê Thị T** từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ.

Miễn khẩu trừ T nhập đối với bị cáo.

Bị cáo thống nhất với bản cáo trạng, không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - An Giang.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo nhận thức được hành vi sai phạm của bị cáo và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Lê Thị T khai nhận: Vì muốn được xuất cảnh sang Trung Quốc để lao động nên vào năm 2019 T đã liên hệ với tài khoản facebook có tên “Dịch vụ Trung Việt” nhưng do không có tiền để đi nên T được dịch vụ Trung Việt tư vấn đi bằng hình thức kết hôn với người Trung Quốc. Do T đã có chồng ở Việt Nam nên dịch vụ Trung Việt sẽ đứng ra làm các thủ tục như: Giấy chuyển khẩu giả để T được cấp giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu phổ thông dưới tên Lê Thiên

Kim. Sau đó, T sử dụng các giấy tờ mang tên Lê Thiên Kim (giả) để xuất cảnh sang Trung Quốc.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với kết luận giám định và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ. Từ đó, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức” được quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự như Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý hành chính, hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý nhà nước về con dấu, tài liệu. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ việc khai giả mạo tên, địa chỉ và các thông tin nhân thân để được cấp hộ chiếu làm thủ tục xuất cảnh đi nước ngoài là hành vi phạm tội nhưng vẫn cố ý thực hiện, điều này thể hiện ý thức xem thường pháp luật của bị cáo. Do đó, việc đưa bị cáo ra xét xử và áp dụng hình phạt tương xứng là cần thiết, nhằm giáo dục, răn đe đối với bị cáo, đồng thời góp phần phòng ngừa chung cho xã hội, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong cộng đồng.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng được quy định tại điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ và nhân thân bị cáo: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân bị cáo tốt không có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và Tộc trường hợp ít nghiêm trọng; hiện tại bị cáo đang mang thai nên cần xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm i, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra cho thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Do đó không cần phải tách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mà tạo điều kiện cho bị cáo được cải tạo, giáo dục tại địa phương cũng đủ nghiêm, đồng thời thể hiện tính khoan hồng của Đảng và Nhà nước.

[6] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[7] Về đánh giá vật chứng, xử lý vật chứng: Không có nên không xem xét.

[8] Về những vấn đề khác:

8.1 Đối với người phụ nữ không rõ nhân thân lai lịch theo bị cáo trình bày thì người phụ nữ nay nói giọng miền nam là đại diện cho dịch vụ Trung Việt và người đàn ông trên 40 tuổi chở bị cáo đi làm Chứng minh nhân dân, hộ chiếu và người đã giả chữ ký của ông Võ Trường Hậu trong phiếu chuyển khẩu số 87/GCHK. Trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra đã xác minh, T thập chứng cứ. Tuy

nhiên, do không xác định được nhân thân lai lịch của các đối tượng trên nên không làm rõ được trong vụ án nay. Do đó, đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra, làm rõ nếu có đủ căn cứ phạm tội sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

8.2 Đối với ông Nguyễn Văn T1 - Nguyên Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh K (người đã ký Giấy xác nhận nhà ở hợp pháp cho hộ ông Lê Văn Tùng). Trong quá trình điều tra Công an đã tiến hành xác minh và được biết hiện nay ông T1 đã nghỉ việc và bỏ địa phương đi không xác định được đi đâu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ban hành Quyết định truy tìm người số: 740/QĐ-CQĐT-ĐTTH ngày 30/12/2024 nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả. Do đó, đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra, làm rõ nếu có dấu hiệu tội phạm sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

[8] Về khấu trừ trừ nhập: Do bị cáo không có nghề nghiệp cũng như thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo là phù hợp.

[9] Về án phí: Xử buộc bị cáo phải có nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Thị T phạm tội: “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Thị T 18** (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời điểm chấp hành hình phạt tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố Hồ Chí Minh nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân phường N, thành phố H giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú trong việc giám sát và giáo dục bị cáo.

Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát bị cáo thực hiện theo khoản 2 Điều 100 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Lê Thị T.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Xử buộc bị cáo Lê Thị T phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 3- An Giang
- Cơ quan Cảnh sát Điều tra;
- Phòng THADS Khu vực 3- An Giang;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên Tòa

Nguyễn Văn Chiến